TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 02 năm 2026
V/v "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Tình;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Nhiễu;

2. Ông Vàng Mí Chỏ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Vũ Hữu Toàn – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2025 về việc "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị Ch, sinh năm 1983; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Lao động tự do; số căn cước công dân: 00218***67 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, cấp ngày 04/12/2021; nơi cư trú: Thôn C, xã L, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương Nhung – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

3. Bị đơn: Anh Sùng Mí Th, sinh năm 1980; Dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Lao động tự do; số căn cước: 0020***26 do Bộ Công an, cấp ngày 26/02/2025; nơi cư trú: Thôn C, xã L, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hiến – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 17/8/2025 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Chị Giàng Thị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Sùng Mí Th tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 tại Thôn C, xã L, tỉnh Tuyên Quang nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hòa thuận và có 03 con chung, nhưng càng về sau anh Th thường xuyên đánh đập, bạo hành chị nhiều lần, mỗi lần anh Th đi uống rượu về là chửi bới, đập phá, đánh đập vợ con phải bỏ chạy khỏi nhà đi sang hàng xóm ở nhờ. Do không thể chung sống cùng nhau được nên chị và anh Th đã ly thân được hơn 2 năm nay, mỗi người một nơi, nay chị Ch đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Sùng Mí Th.

Về con chung: Chị Ch xác nhận, chị và anh Th có 03 con chung là cháu Sùng Thị H, sinh ngày 16/6/2004, Sùng Thị N, sinh ngày 24/4/2006 và cháu Sùng Minh Ng, sinh ngày 20/3/2009. Đối với cháu H và cháu N hiện nay đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Ng, nếu anh Sùng Mí Th muốn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng thì chị Ch nhất trí và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người nhận tiền là anh Sùng Mí Th. Nếu anh Th không trực tiếp nuôi cháu thì chị Ch sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Giàng Thị Ch và anh Sùng Mí Th xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ch đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 21/10/2025, biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2025 và quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Sùng Mí Th trình bày: Anh và chị Giàng Thị Ch quen biết và tìm hiểu nhau từ năm 2003, sau đó tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống vợ chồng rất hòa thuận, đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị Ch hay đi ngủ qua đêm ở ngoài không về nhà nên anh có nóng giận và xảy ra cãi vã, đánh nhau. Đến tháng 01/2025 chị Ch bỏ nhà đi nên anh và chị Ch sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh Th vẫn còn tình cảm với chị Ch nên anh Th đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Ch quay về chung sống cùng nhau nuôi dậy các con.

Về con chung: Anh Th xác nhận, anh và chị Ch có 03 con chung là cháu Sùng Thị H, sinh ngày 16/6/2004, Sùng Thị N, sinh ngày 24/4/2006 và cháu Sùng Minh Ng, sinh ngày 20/3/2009 như chị Ch trình bày là đúng sự thật. Đối với cháu H và cháu N hiện nay đã trưởng thành nên anh Th không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Ng, anh Th đề nghị giao cho Chị Giàng Thị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Th xác nhận tự thỏa thuận với chị Ch, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang ngày 11/11/2025 tại UBND xã Lũng Phìn, tỉnh Tuyên Quang xác nhận: Chị Giàng Thị Ch và anh Sùng Mí Th cùng trú tại thôn C, xã L không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Về tình trạng hôn nhân chị Ch và anh Th chung sống với nhau từ năm 2003 và có với nhau 03 con chung là các cháu Sùng Thị H, Sùng Thị N và Sùng Minh Ng. Hiện nay các cháu H, cháu N đã trưởng thành đủ 18 tuổi, còn cháu Ng năm nãy khoảng 16 tuổi hiện đang học tại trường Việt Lào – Phú Thọ. Anh Th và chị Ch đã ly thân từ 02 năm nay, anh Th sinh sống tại thôn C, xã L, còn chị Ch đi làm thuê tại Hà Nội, không biết địa chỉ cụ thể. Về tài sản: Có một nhà gỗ 3 gian, tường xây gạch, mái lợp Ploximang ở gần chợ L, ngoài ra có 02 mảnh đất khoảng 3.000m^2 trồng được 8kg ngô giống.

Tại phiên tòa, chị Giàng Thị Ch giữ nguyên phạm vi, yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Sùng Mí Th, đồng thời giao cháu Sùng Minh Ng cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con; về tài sản công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Sùng Mí Th nhất trí theo ý kiến của chị Ch và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Ch, giao cháu Ngọc cho chị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, công nợ chung anh nhất trí tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Phương Nhung - Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị Giàng Thị Ch và anh Sùng Mí Th tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 tại Thôn C, xã L, tỉnh Tuyên Quang nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hòa thuận và có 03 con chung, nhưng càng về sau anh Th thường xuyên đánh đập, bạo hành chị nhiều lần, mỗi lần anh Th đi uống rượu về là chửi bới, đập phá đánh đập vợ con phải bỏ chạy khỏi nhà đi sang hàng xóm ở nhờ. Do không thể chung sống cùng nhau được nên vợ chồng đã ly thân được hơn 2 năm nay, mỗi người một nơi, chính vì vậy chị Ch đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Sùng Mí Th theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về con chung, đề nghị giao cháu Sùng Minh Ng, sinh ngày 20/3/2009 cho chị Giàng Thị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng; về tài sản chung, công nợ chung, chị Ch và anh Th cùng xác nhận tự thỏa thuận nên đề nghị không xem xét; về án phí, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Giàng Thị Ch.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hiến - Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Chị Giàng Thị Ch và anh Sùng Mí Th sau

quá trình quen biết và tự nguyện tìm hiểu, giữa chị Ch và anh Th phát sinh tình cảm yêu đương nam nữ, được sự nhất trí của hai bên gia đình, chị Ch và anh Th tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, sau lễ cưới chị Ch về chung sống với nhau như vợ chồng với anh Th từ năm 2003 tại Thôn C, xã L, tỉnh Tuyên Quang nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị rất hòa thuận, thương yêu nhau và có 03 con chung là cháu Sùng Thị H, sinh ngày 16/6/2004, Sùng Thị N, sinh ngày 24/4/2006 và cháu Sùng Minh Ng, sinh ngày 20/3/2009. Sau khi sinh cháu H giữa chị Ch và anh Th bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, không tôn trọng nhau dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới xúc, phạm nhau, vì còn yêu thương chồng nên chị Ch đã nhiều lần bỏ qua. Đến tháng 3/2023 vợ chồng đã sống ly thân, không qua lại, chăm sóc thăm hỏi nhau. Nay anh Th cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Th và chị Ch; Về con chung đề nghị giao cháu Ng cho chị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh Th do anh hiện nay đang bị bệnh, không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định; về tài sản chung, công nợ chung: Anh Th và chị Ch xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tống đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Giàng Thị Ch: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị Ch và anh Sùng Mí Th; về con chung, đề nghị giao cháu Sùng Minh Ng cho chị Giàng Thị Ch trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; về tài sản, công nợ chung, chị Ch và anh Th xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết; về án phí, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Giàng Thị Ch theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang và ý kiến của Trợ giúp viên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Giàng Thị Ch yêu cầu Tòa án giải quyết Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con với anh Sùng Mí Th, có nơi cư trú tại thôn C, xã L, tỉnh Tuyên Quang, là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang theo quy định Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy theo quy định pháp luật tố tụng dân sự như vắng mặt hai lần tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

[3] Xét yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng: Chị Giàng Thị Ch và anh Sùng Mí Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Như vậy việc kết hôn của chị Ch và anh Th đã không tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định. Quá trình chung sống, chị Ch và anh Th phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã xúc phạm nhau, thậm chí còn đánh nhau, chị Ch và anh Th đã ly thân từ năm 2023 mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến nhau, không còn trách nhiệm với gia đình, cuộc sống chung giữa chị Ch và anh Th không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Giàng Thị Ch, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị Ch và anh Sùng Mí Th theo quy định tại khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về con chung: Xét thấy, chị Ch và anh Th trong thời gian chung sống đã có 03 con chung là cháu Sùng Thị H, sinh ngày 16/6/2004, Sùng Thị N, sinh ngày 24/4/2006 và cháu Sùng Minh Ng, sinh ngày 20/3/2009. Đối với cháu H và cháu N hiện nay đã trưởng, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét

xử không xem xét; Đối với cháu Sùng Minh Ng có nguyện vọng được sống cùng chị Ch và chị Ch cũng nhất trí, tại phiên tòa, anh Th đồng ý giao cháu Sùng Minh Ng cho chị Ch là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Sùng Minh Ng có nguyện vọng được sống với chị Ch à nguyện vọng chính đáng nên cần giao cho chị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sùng Minh Ng cho đến đủ 18 tuổi theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc chị Ch không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Chị Giàng Thị Ch và anh Sùng Mí Th xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Xét thấy, Chị Giàng Thị Ch thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị đã có đơn xin miễn án phí nên cần xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Ch theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[8] Các đề nghị của Kiểm sát viên và Trợ giúp viên tham gia phiên Tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ phạm vi, yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị Ch, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị Ch và anh Sùng Mí Th.

2. Về con chung: Giao cháu Sùng Minh Ng, sinh ngày 20/3/2009 cho chị Giàng Thị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi

đủ 18 tuổi. Anh Sùng Mí Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Giàng Thị Ch.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã L, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Văn Tình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Nhiễu **Vàng Mí Chỏ** **Đặng Văn Tình**